

**GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU
VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI CHO SINH VIÊN
KHOA SƯ PHẠM NGỮ VĂN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

Nguyễn Thị Bích Phương

Khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp

Email: nguyenthibichphuong@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 10/11/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 15/12/2021; Ngày duyệt đăng: 14/02/2022

Tóm tắt

Đọc hiểu văn học nước ngoài là một trong những năng lực quan trọng cần hình thành và phát triển cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, nghiên cứu này đề xuất một số giải pháp để phát triển năng lực đọc hiểu văn học nước ngoài cho sinh viên khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp, nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của đổi mới giáo dục đại học và đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

Từ khóa: *Đọc hiểu văn học nước ngoài, năng lực, sư phạm Ngữ văn.*

**DEVELOPING FOREIGN LITERATURE READING COMPREHENSION
OF STUDENTS OF VIETNAMESE LITERATURE AND LINGUISTICS
TEACHER EDUCATION, DONG THAP UNIVERSITY**

Nguyen Thi Bich Phuong

Faculty of Vietnamese Literature and Linguistics Teacher Education,

Dong Thap University

Email: nguyenthibichphuong@dthu.edu.vn

Article history

Received: 10/11/2021; Received in revised form: 15/12/2021; Accepted: 14/02/2022

Abstract

Reading foreign literature is one of the competencies that students of literary pedagogy need to be formed and developed. This article studies the theory and practice of reading comprehension of foreign literature by students of the Faculty of Vietnamese Literature and Linguistics Teacher Education, Dong Thap University. Then, it proposes some strategies to develop this capacity for those students, in order to help them achieve the output of the training program, meeting requirements of higher education and general education innovation.

Keywords: *Competence, reading foreign literature, Vietnamese Literature and Linguistics Teacher Education.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.01S.2023.1007>

Trích dẫn: Nguyễn Thị Bích Phương. (2022). Giải pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn học nước ngoài cho sinh viên khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(01S), 66-76.

1. Đặt vấn đề

Phát triển năng lực người học là yêu cầu tất yếu và cấp thiết của giáo dục Việt Nam hiện nay ở tất cả các bậc học, trình độ, trong đó có giáo dục đại học. Cùng với xu hướng giáo dục quốc tế, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hóa vững chắc và khả năng thích ứng cao với mọi biến động không ngừng của xã hội và tự nhiên, Nghị quyết số 29-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, 2013) đã xác định quan điểm chỉ đạo đổi mới giáo dục là “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”.

Đọc hiểu là một trong những năng lực quan trọng mà con người cần phải trang bị trong thế kỉ XXI. Biết đọc vẫn là một trong những mục tiêu quan trọng mà UNESCO kêu gọi tất cả các quốc gia hoàn thành (Đỗ Ngọc Thống, 2019). Trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - sau đây gọi tắt là *Chương trình Ngữ văn 2018*) - chương trình lấy các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe làm trung tâm để hình thành và phát triển các năng lực cho người học - thì đọc hiểu là kĩ năng quan trọng nhất mà học sinh (HS) cần phải được trang bị. Trên cơ sở đó, *Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn* của Trường Đại học Đồng Tháp xác định đọc hiểu là một trong những năng lực quan trọng mà sinh viên (SV) cần phải thông thạo, nhằm “đào tạo đội ngũ giáo viên Ngữ văn năng động, tiên tiến đáp ứng yêu cầu đổi mới nền giáo dục phổ thông”, nhằm đào tạo “nguồn nhân lực có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời” (Trường Đại học Đồng Tháp, 2019).

Văn học nước ngoài (VHNN) là lĩnh vực kiến thức được sử dụng làm phương tiện để hình thành năng lực đọc hiểu cho người học. Không chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ văn, VHNN còn là phạm vi kiến thức quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông - đối tượng mà SV sẽ giảng dạy khi trở thành giáo viên trung học. Do vậy, để hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu VHNN cho HS thì các nhà giáo tương lai phải được phát triển năng lực này khi đang ngồi trên ghế giảng đường. Thế nhưng, qua khảo sát, SV ngành Sư phạm Ngữ

văn của Trường Đại học Đồng Tháp còn nhiều hạn chế trong kĩ năng đọc hiểu VHNN. Với sự khác biệt về tư tưởng, văn hóa, ngôn ngữ, sự đa dạng về thể loại... VHNN khiến đa số SV bối rối và lúng túng, từ đó cũng dẫn đến những hạn chế trong kĩ năng nghề nghiệp. Khi mà chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đang triển khai theo lộ trình, bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 và đại trà vào năm học 2024 - 2025, thì việc phát triển năng lực đọc hiểu VHNN cho SV khoa Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Đồng Tháp càng trở nên cấp bách và cần thiết.

2. Cơ sở lí luận và thực tiễn để phát triển năng lực văn học nước ngoài cho sinh viên khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Khái niệm năng lực và năng lực đọc hiểu

Năng lực: Nghiên cứu nhiều quan điểm và cách định nghĩa khác nhau về năng lực, chúng tôi đồng ý với định nghĩa được khái quát trong công trình nghiên cứu của các tác giả dự án DeSeCo (Definition and Selection of Competencies: Theoretical and Conceptual Foundation). Theo đó, “A competency is more than just knowledge and skills. It involves the ability to meet complex demands, by drawing on and mobilising psychosocial resources (including skills and attitudes) in a particular context” (Rychen và cs., 2003, tr. 43). Nghĩa là: Năng lực không chỉ là kiến thức và kỹ năng. Nó liên quan đến khả năng đáp ứng thành công các yêu cầu phức tạp, bằng cách huy động các nguồn lực tâm lý xã hội (bao gồm cả kỹ năng và thái độ) trong một bối cảnh cụ thể. Cụ thể hóa khái niệm này, *Chương trình giáo dục phổ thông* (2018) đã xác định: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chức sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr. 37).

Năng lực đọc hiểu: *Đọc hiểu* là một trong ba năng lực cốt lõi mà chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA) tiến hành khảo sát. Theo PISA (OECD, 2009), *năng lực đọc hiểu* là **sự hiểu, sử dụng, phản ánh** và **gắn kết** với các văn bản viết nhằm đạt được các mục tiêu đọc, phát triển hiểu biết và tiềm năng của người đọc cũng như nhằm tham gia

vào xã hội “Understanding, using, reflecting on and engaging with written texts, in order to achieve one’s goals, to develop one’s knowledge and potential, and to participate in society”.

Ở Việt Nam, thuật ngữ *đọc hiểu* xuất hiện trong chương trình, sách giáo khoa phổ thông từ những năm 2000, thể hiện sự đổi mới tư tưởng trong cách dạy học văn. Tác giả Trần Đình Sử (2004) cho rằng: Đọc hiểu văn bản là một khâu đột phá trong nội dung và phương pháp dạy văn hiện nay. Tác giả Nguyễn Thanh Hùng (2008, tr. 24) nhấn mạnh “Bản chất của hoạt động đọc - hiểu văn là quá trình lao động sáng tạo mang tính thẩm mỹ nhằm phát hiện ra những giá trị của tác phẩm trên cơ sở phân tích đặc trưng văn bản”. Trong *Chương trình Ngữ văn 2018, đọc hiểu* là trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình theo định hướng năng lực. Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học trong chương trình đều phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kỹ năng, trong đó *đọc hiểu* là kỹ năng hàng đầu.

2.1.2. Phát triển năng lực đọc hiểu văn học nước ngoài

Phát triển năng lực đọc hiểu: Vì năng lực là yếu tố động được phát triển ở nhiều cấp độ, vì bản chất của đọc hiểu cũng là một quá trình tự phát triển nhận thức, tư duy của người đọc với nhiều mức độ, nên năng lực *đọc hiểu* văn bản là một yếu tố luôn phát triển. Chúng tôi đồng ý với quan điểm của Đoàn Thị Thanh Huyền (2017): Sự phát triển của năng lực *đọc hiểu* văn bản trước hết là một đặc tính khách quan, tất yếu gắn với sự tự vận động, tự trưởng thành của người đọc qua mỗi giai đoạn lứa tuổi cũng như từng hành động đọc. Bên cạnh đó, sự phát triển này còn phụ thuộc mạnh mẽ vào yếu tố môi trường văn hóa xã hội của người đọc.

Văn học nước ngoài: Trên cơ sở định nghĩa *văn học* - “loại hình nghệ thuật sáng tạo bằng chất liệu ngôn từ, là sự phản ánh của đời sống và xã hội thể hiện sự nhận thức và sáng tạo của con người” (Lê Bá Hán và cs., 2007, tr. 401) và quan niệm *văn học dân tộc* - “toàn bộ tác phẩm văn học được sáng tác bằng một ngôn ngữ dân tộc nhất định trên một lãnh thổ quốc gia nhất định” (Đỗ Đức Hiểu và cs., 2004, tr. 1944), quy chiếu với văn học Việt Nam, *văn học nước ngoài* là khái niệm dùng để chỉ văn học của tất cả các nước trên thế giới ở cả phương Đông như văn học Trung

Quốc, văn học Nhật Bản, văn học Ấn Độ... và phương Tây như văn học Hy Lạp, văn học Anh, văn học Pháp, văn học Tây Ban Nha, Văn học Mĩ, văn học Nga... Trong giáo dục, VHNN là một trong những phương tiện hiệu quả để bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cốt lõi cho người học. Qua những tinh hoa văn học được chọn lọc để đưa vào chương trình giáo dục phổ thông hay chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn, người học tiếp cận được với biết bao tư tưởng tiến bộ, nhân văn để học hỏi, phát triển bản thân, hình thành nên tính cách cởi mở, biết trân trọng cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ... Từ đó phát triển trí tuệ, cảm xúc, khả năng thấu hiểu, biết mình, biết người; nâng cao năng lực hợp tác, giao tiếp; hướng đến mục tiêu hội nhập và phát triển. Chính vì vậy mà dù qua bao nhiêu lần thay sách, đổi mới chương trình, VHNN vẫn chiếm vị trí quan trọng trong chương trình giáo dục, bên cạnh phần văn học dân tộc vốn giữ vai trò chủ đạo.

Như vậy, đọc hiểu VHNN là năng lực quan trọng cần phát triển cho SV ngành Sư phạm Ngữ văn. Người có năng lực đọc hiểu VHNN, nghĩa là, đầu tiên, phải có những *hiểu biết* về văn bản VHNN. Những hiểu biết này được thể hiện ở nhiều cấp độ: nắm bắt và thông hiểu được các thông tin sự kiện của văn bản (bao gồm ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc...), các đặc điểm về thể loại, cấu trúc của văn bản; rút ra được nội dung và xây dựng nên ý nghĩa của văn bản. Từ những hiểu biết ấy, người có năng lực đọc hiểu VHNN sẽ *phản hồi* - đánh giá, bình luận về văn bản VHNN, làm giàu thêm vốn hiểu biết, thay đổi tình cảm, quan niệm thái độ của mình. Cuối cùng, người có năng lực *đọc hiểu* có thể *sử dụng* những hiểu biết, phản hồi đó để hoàn thành các mục tiêu đọc trong bối cảnh cụ thể và tự phát triển các tiềm năng của bản thân như phát triển năng lực nghiên cứu VHNN, phát triển kỹ năng dạy học đọc hiểu VHNN cho HS phổ thông.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Văn học nước ngoài trong Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp

Quan sát *Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn* của Trường Đại học Đồng Tháp từ năm 2015 đến năm 2020, chúng tôi nhận thấy VHNN luôn nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Để phù hợp với đối tượng người học được khảo sát, chúng tôi chọn chương trình đào tạo năm 2018 để phân tích cụ thể và kết quả thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Thống kê các học phần VHNN trong Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tiến độ	Tổng tín chỉ	Tỉ lệ %
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc					
1	Văn học Trung Quốc	3	Học kì 5	10	15,6
2	Văn học Anh - Pháp	3	Học kì 7		
3	Văn học Nga - Mỹ	2	Học kì 6		
4	Văn học Ấn Độ - Nhật Bản	2	Học kì 5		
Kiến thức chuyên ngành tự chọn					
5	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây	2	Học kì 4	6	12,5
6	Văn học Hy Lạp	2	Học kì 4		

Nguồn: Trường Đại học Đồng Tháp, 2018, Chương trình giáo dục đại học - ngành Sư phạm Ngữ văn - ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-ĐHĐT ngày 28 tháng 8 năm 2018

Bảng 1 đã cho thấy phạm vi nội dung, số tín chỉ, tiến độ học tập cũng như tỉ trọng của VHNN trong tổng số tín chỉ mà SV phải tích lũy. Để xem xét sự đáp ứng của VHNN trong Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn với yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông hiện nay, chúng tôi thực hiện khảo sát

văn bản đọc chính trong Chương trình Ngữ văn hiện hành (2006), văn bản gợi ý trong Chương trình Ngữ văn mới (2018) và các văn bản trong sách giáo khoa *Ngữ văn 6* được sử dụng trong năm học 2021-2022 của các nhóm biên soạn như *Chân trời sáng tạo, Cánh Diều, Kết nối tri thức với cuộc sống* (Bảng 2).

Bảng 2. Tỉ lệ ngữ liệu VHNN trong chương trình giáo dục phổ thông

Đối tượng khảo sát	Tổng số ngữ liệu	Số ngữ liệu VHNN	Tỉ lệ %
Chương trình Ngữ văn (2006)	184	38	20,7
Chương trình Ngữ văn 2018 (văn bản gợi ý)	270	52	19,0
<i>Ngữ văn 6</i> (Chân trời sáng tạo) Nguyễn Thị Hồng Nam (chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, 2021	40	8	20,0
<i>Ngữ văn 6</i> (Cánh Diều) Nguyễn Minh Thuyết (tổng chủ biên), NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2021	40	4	10,0
<i>Ngữ văn 6</i> (Kết nối tri thức với cuộc sống) Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, 2021	37	8	21,6

Kết quả khảo sát ở Bảng 1, Bảng 2 cho thấy: Dù qua bao nhiêu lần thay sách, đổi mới chương trình, VHNN vẫn chiếm vị trí quan trọng và luôn có mặt trong chương trình giáo dục phổ thông. Nội dung VHNN trong *Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn* của Trường Đại học Đồng Tháp đáp ứng rất tốt yêu cầu cần đạt trong chương trình Ngữ văn phổ thông, đặc biệt là *Chương trình Ngữ văn 2018*. Theo yêu cầu về ngữ liệu trong Chương trình Ngữ

văn 2018, bên cạnh Văn học dân gian và Văn học viết Việt Nam thì VHNN thuộc hệ thống các tác phẩm bắt buộc lựa chọn với số lượng không giới hạn (chọn ít nhất 1 tác phẩm cho mỗi nền văn học sau: Anh, Pháp, Mĩ, Hy Lạp, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ). Sự tương thích này là căn cứ quan trọng để xác định sự cần thiết phải phát triển năng lực đọc hiểu VHNN cho SV khoa Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Đồng Tháp.

2.2.2. *Thực trạng năng lực đọc hiểu văn học nước ngoài của sinh viên khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp*

Để có cơ sở thực tiễn đề xuất các giải pháp, chúng tôi tìm hiểu thực trạng đọc hiểu VHNN của SV. Đối tượng khảo sát là 66 SV thuộc các lớp ĐHSVAN2018A, ĐHSVAN2019A và cựu SV. Đồng thời, chúng tôi tham khảo ý kiến giảng viên (GV) giảng dạy VHNN, GV có chuyên môn về phương pháp dạy học *đọc hiểu* trong và ngoài trường. Nội dung khảo sát là thực trạng tổ chức các hoạt động dạy

học đọc hiểu VHNN và các yếu tố tác động đến việc phát triển năng lực đọc hiểu VHNN cho SV. Phương pháp chủ yếu là điều tra qua phiếu khảo sát và phỏng vấn. Kết quả khảo sát:

Thứ nhất, nhận thức của người học về vai trò của đọc hiểu VHNN và các hoạt động đọc hiểu VHNN: 100% SV cho rằng đọc hiểu VHNN và trang bị cách thức đọc hiểu VHNN là cần thiết; trên 94% SV cũng xác định tính cần thiết của các hoạt động đọc hiểu, trong đó, hoạt động tự đọc và hoạt động đọc thảo luận được đánh giá cao. Kết quả cụ thể ở Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả khảo sát SV về vai trò và các hoạt động đọc hiểu VHNN

TT	Nội dung khảo sát	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần		Không rõ	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	Vai trò của năng lực đọc hiểu VHNN	47	71,2	19	28,8	0	0,0	0	0,0
2	Trang bị cách thức đọc hiểu VHNN	35	53,0	29	43,9	0	0,0	0	0,0
3	Hoạt động tự đọc	41	62,1	22	33,3	1	1,5	2	3,0
4	Hoạt động đọc diễn cảm	29	43,9	33	50,0	3	4,5	1	1,5
5	Hoạt động đọc thảo luận	39	59,1	24	36,4	2	3,0	1	1,5
6	Hoạt động phản hồi kết quả học tập	37	56,1	28	42,4	0	0,0	1	1,5

Thứ hai, về thực trạng tổ chức các hoạt động trong dạy học đọc hiểu VHNN, kết quả khảo sát đối với SV (Bảng 4) cho thấy: Đa số người học cho rằng

các hoạt động đọc hiểu được tổ chức ở mức thường xuyên trong giờ học. Tuy nhiên, cũng có 18,2% SV (và 30% GV) cho rằng SV *hiếm khi* được trang bị cách thức đọc hiểu VHNN.

Bảng 4. Kết quả khảo sát SV về thực trạng tổ chức các hoạt động đọc hiểu VHNN

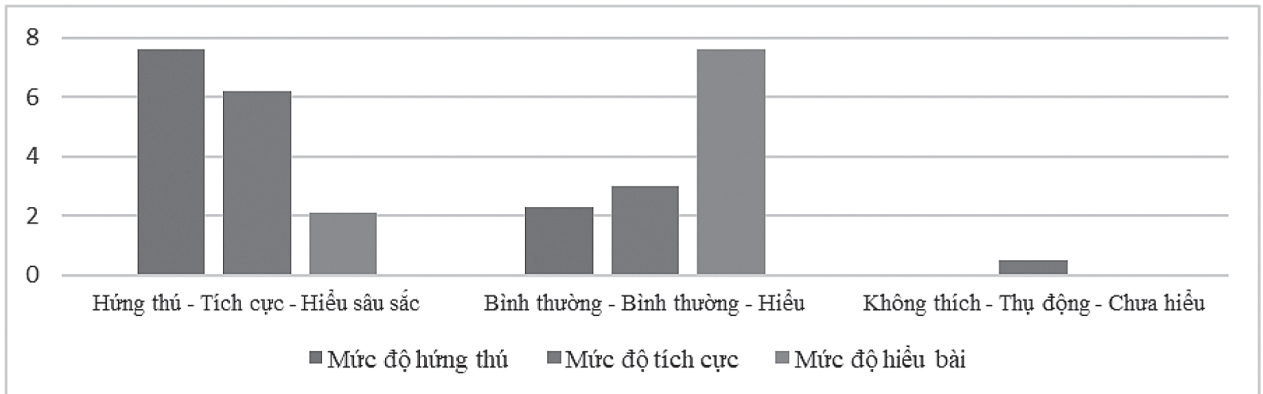
TT	Nội dung khảo sát	Luôn luôn		Thường xuyên		Hiếm khi		Không rõ	
		Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
1	Trang bị cách thức đọc hiểu VHNN	16	24,2	35	53,0	12	18,2	3	4,5
2	Hoạt động tự đọc	20	30,3	38	57,6	6	9,1	2	3,0
3	Hoạt động đọc diễn cảm	22	33,3	36	54,5	6	9,1	2	3,0
4	Hoạt động đọc thảo luận	21	31,8	40	60,6	4	6,1	1	1,5
5	Hoạt động phản hồi kết quả học tập	28	42,4	36	54,5	1	1,5	1	1,5

Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy việc tổ chức các hoạt động đọc hiểu VHNN chưa hiệu quả. Khi được yêu cầu so sánh giữa đọc hiểu VHNN và đọc hiểu Văn học Việt Nam thì đa số SV cho rằng “giống nhau” về qui trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, về yêu cầu đọc hiểu theo thể loại hay yêu cầu tích hợp. Thực trạng này thể hiện SV chưa nắm rõ tính chất

đặc thù của cách thức đọc hiểu VHNN. Bên cạnh đó, đánh giá thực tiễn của qui trình đọc hiểu VHNN, 2 bước mà phần lớn SV (60%) cho rằng luôn luôn được thực hiện là *đọc hiểu nội dung* và *đọc hiểu ý nghĩa* của văn bản, hoạt động *vận dụng* chưa thực hiện ở mức độ cao. Đánh giá về hiệu quả của các phương pháp trong dạy học đọc hiểu VHNN, phần lớn (hơn

50%) SV cho rằng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, đóng vai, dạy học theo nhóm là hiệu quả nhất. Tuy vậy, khi đánh giá thực tiễn học tập thì phương pháp được sử dụng nhiều nhất là thuyết trình, vấn đáp, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo nhóm. Như vậy, SV đánh giá cao phương pháp đóng vai nhưng thực tiễn thì phương pháp này ít được tổ chức. Hơn nữa, các phương pháp dạy học chưa được kết hợp đa dạng trong dạy học để hình thành năng lực đọc hiểu VHNN cho người học.

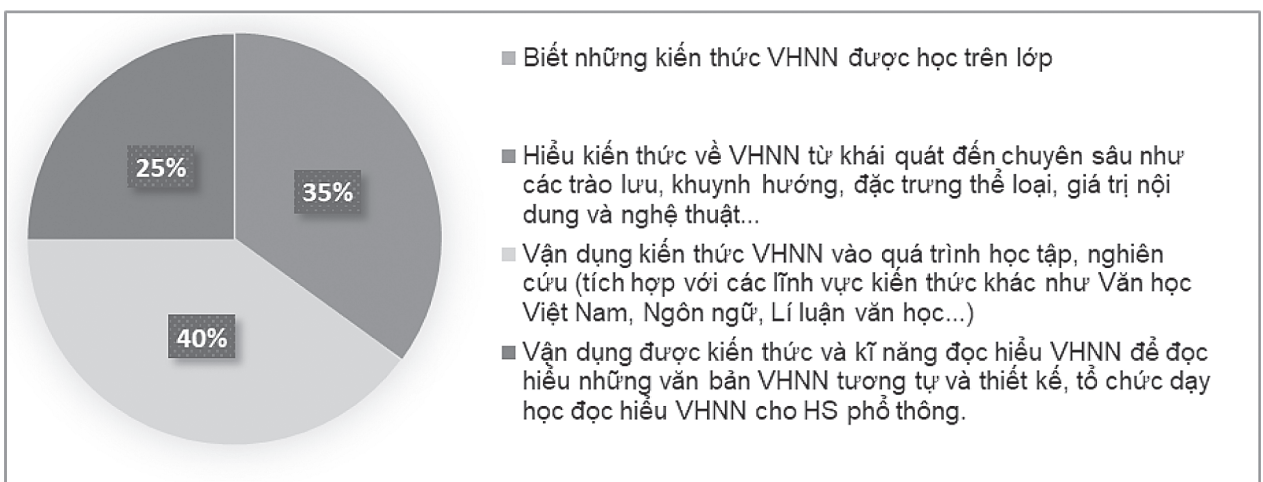
Thứ ba, để đánh giá hiệu quả của việc đọc hiểu VHNN, chúng tôi khảo sát mức độ hứng thú, mức độ tích cực, mức độ hiểu bài của người học. Kết quả ở Hình 1 cho thấy đa số SV có hứng thú và tích cực, tuy nhiên, mức độ hiểu bài sâu sắc của SV đạt tỉ lệ thấp (20%). Kết quả khảo sát GV cũng tương tự khi 93,8% GV cho rằng SV đạt mức hiểu, 6,2% GV không rõ, còn tỉ lệ GV đánh giá SV có thể hiểu sâu sắc bài học là 0%.



Hình 1. Kết quả khảo sát SV về mức độ hứng thú, tích cực và hiểu bài của người học

Tương ứng với mức độ hứng thú, tích cực, hiểu bài nêu trên, khi khảo sát mức độ đạt được về năng lực đọc hiểu VHNN của người học (Hình 2), chúng tôi nhận thấy phần lớn SV (75%) đạt ở mức có thể hiểu những kiến thức về VHNN và có thể vận dụng kiến thức VHNN vào quá trình học tập, nghiên cứu (tích hợp với các lĩnh vực kiến thức khác như Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ, Lí luận văn học...). Dù có

53% SV cho rằng mình thường xuyên được trang bị cách thức đọc hiểu VHNN (Bảng 1) nhưng tỉ lệ SV có thể vận dụng để đọc hiểu những văn bản VHNN tương tự và có thể thiết kế, tổ chức dạy học đọc hiểu VHNN cho HS phổ thông còn ở mức thấp (25%). Tỉ lệ này cho thấy năng lực đọc hiểu VHNN của SV còn nhiều hạn chế và chưa đạt được chuẩn đầu ra như mong đợi.



Hình 2. Kết quả khảo sát SV về mức độ năng lực đọc hiểu VHNN đạt được

Thứ tư, khảo sát các yếu tố tác động đến hiệu quả đọc hiểu VHNN, về chủ quan, chúng tôi nhận thấy khó khăn chủ yếu mà đa số SV, GV gặp phải khi đọc hiểu VHNN là sự khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ, sự tỉ lệ nghịch giữa dung lượng đồ sộ của văn bản VHNN và thời lượng học tập; về chủ quan,

việc GV chưa xây dựng qui trình đọc hiểu VHNN và ý thức tự giác, động lực học tập cũng như cách thức tiếp cận văn bản chưa hiệu quả của SV là những yếu tố có tác động lớn đến hiệu quả đọc hiểu VHNN. Kết quả khảo sát thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Kết quả khảo sát GV về yếu tố tác động đến hiệu quả đọc hiểu VHNN

TT	Yếu tố tác động	Tỉ lệ %
1	Sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ	81,3
2	Văn bản đồ sộ về dung lượng và nội dung tư tưởng nhưng thời lượng học tập không nhiều	75,0
3	Chưa có qui trình đọc hiểu VHNN	50,0
4	Ý thức tự học, động lực học tập của SV chưa cao	75,0
5	SV hiếm khi đọc văn bản trước khi học trên lớp	62,5
6	SV tiếp cận văn bản bằng cách đọc nội dung liên quan trong giáo trình	81,3
7	SV khai thác chưa tốt tài liệu từ thư viện	60,0

Như vậy, thực tiễn đã cho thấy SV khoa Sư phạm Ngữ văn của Trường Đại học Đồng Tháp nhận thức rõ vai trò cần thiết của năng lực đọc hiểu VHNN; người học có hứng thú, tích cực trong giờ học, tuy nhiên, mức độ hiểu bài và mức độ đạt về năng lực đọc hiểu VHNN chưa cao. Đối chiếu với cơ sở lí luận về năng lực đọc hiểu VHNN, chúng tôi nhận thấy đa số SV có *hiểu biết*, có thể *phản hồi* sau khi đọc VHNN, nhưng việc có thể sử dụng những hiểu biết, phản hồi đó để hoàn thành các mục tiêu đọc trong bối cảnh cụ thể và tự phát triển các tiềm năng của bản thân (có thể đọc hiểu một văn bản VHNN tương tự hay có thể phát triển kĩ năng dạy học đọc hiểu VHNN) còn hạn chế.

3. Một số giải pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn học ngoài cho sinh viên khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp

Trên cơ sở lí luận và thực tiễn đã xác định, chúng tôi đề xuất năm giải pháp định hướng hoạt động dạy học VHNN nhằm phát triển năng lực đọc hiểu VHNN ở SV khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp.

Thứ nhất: Xác định và bám sát chuẩn đầu ra trong dạy học đọc hiểu VHNN.

Để phát triển năng lực đọc hiểu VHNN cho người học, yếu tố đầu tiên là cần xác định chuẩn đầu ra của năng lực này. Chuẩn đầu ra thể hiện mục tiêu cần hướng tới trong quá trình dạy của GV và mô tả kết quả học tập mong muốn, phải đạt được của SV. Do đó, chuẩn đầu ra là căn cứ và động lực cho toàn bộ quá trình dạy học và phải luôn được bám sát trong quá trình dạy học nhằm nâng cao tính chủ động, nâng cao hiệu quả dạy học.

Chuẩn đầu ra của năng lực đọc hiểu VHNN là một phần trong chuẩn đầu ra của *Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn*, bao gồm những nội dung SV cần nắm được và thực hiện được như là kết quả học tập các học phần VHNN. Căn cứ vào chuẩn đầu ra của *Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn - Trường Đại học Đồng Tháp*, căn cứ cơ sở lí luận về năng lực đọc hiểu, trong phạm vi của bài nghiên cứu, chúng tôi xác định cụ thể chuẩn đầu ra năng lực đọc hiểu VHNN của SV khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Đồng Tháp với bốn tiêu chí và các mức độ đạt được cho từng tiêu chí (Bảng 6).